



Những Bà Mẹ

(Haha naru mono, 1969)

Endo Shusaku - Dịch: Nguyễn Nam Trân

Chiều tối, tôi đến được bến cảng. Chiếc phà vẫn chưa tới. Đứng trên bờ kè nhỏ, tôi nhìn những đợt sóng con màu xám - bông bênh mọi thứ rác rưởi từ những cọng rơm cho đến lá rau xanh - tấp vào thành cầu tàu và gây ra tiếng động nhỏ như khi một chú chó con liếm nước. Khoảng đất trống phía đối diện nơi một chiếc xe vận tải đang đậu có hai nhà kho. Đằng trước chúng là cái bóng đỏ sậm của gã đàn ông nào đó đứng loay hoay bên cạnh đồng lửa cháy.

Trong phòng đợi, năm sáu người đàn ông, cư dân trong vùng, chân đi ủng cao cổ, ngồi trên một chiếc băng dài, nhẩn nại chờ giờ phòng bán vé mở cửa. Tuy dưới chân họ đã la liệt những thùng đầy nhóc cá và rương hòm cũ kỹ, lại còn thấy ngổn ngang vài cái lồng gà mà họ đã dồn gà vào đến chật kín. Từ kẽ hở của lồng gà, mấy con vật đang cố gắng thò ra cái cần cổ dài ngoẵng, trông khổ sở đến tội nghiệp. Bọn đàn ông ngồi trên chiếc băng dài tuy không nói năng gì nhưng lâu lâu vẫn gửi về phía tôi những tia nhìn dò xét. Tôi có cảm tưởng mình từng thấy quang cảnh này ở đâu rồi, có lẽ là trong một tập tranh vẽ của người phương Tây. Thế nhưng tôi không thể nhớ là tranh của ai và tôi đã nhìn thấy nó vào lúc nào.

Bên kia biển có ánh đèn lờ mờ từ hòn đảo màu xám đang trải dài ra trước mặt. Có tiếng chó sủa vọng lại nhưng tôi cũng không rõ nó đến từ hòn đảo đó hay từ bờ bên này. Một bộ phận giống như đèn đuốc đang từ từ di động. Mãi sau tôi mới nhận ra đó là ánh đèn của chiếc phà đang trôi về hướng này. Rốt cuộc thì phòng bán vé đi phà cũng mở cửa và những người đàn ông đi ủng cao nầy giờ ngồi trên chiếc băng dài trong phòng đợi đều đã đứng dậy sắp hàng để mua. Khi tôi đến chờ đằng sau lưng họ, mùi tanh của cá đã ập vào mũi. Tôi từng nghe nói người dân trên hòn đảo kia sống phân nửa thời giờ bằng nghề nông và phân nửa bằng nghề đánh cá.

Khuôn mặt họ đều tựa tựa nhau. Có lẽ vì xương gò má nhô cao hay sao mà đôi mắt lõm sâu vào, làm cảm tình không bộc lộ ra ngoài, khiến cho họ có cái nhìn như là sợ sệt. Sự sợ hãi thấy nơi những người dân bản địa này hình như đã được tạo thành từ sự gian dối lẫn tính nhút nhát. Sở dĩ tôi nghĩ như thế vì trong thời gian dài chờ có cơ hội làm cuộc hành trình này, tôi đã nghe nói về kiểu nhìn của họ từ những người đi trước. Bề ngoài thì từ thời Edo, dân chúng trên đảo đều là những kẻ có cuộc sống khó khăn, chẳng những nghèo đói mà phải làm toàn công việc nặng nhọc, lại còn chịu bức hại vì đã dám theo tà đạo.

Mãi rồi tôi cũng được lên phà và rời bến cảng. Ngoài chiếc phà mỗi ngày ba bận làm gạch nối giữa đất liền phía Kyushu và hòn đảo nhỏ đó, không còn phương tiện giao thông nào khác. Người ta còn nói là cho đến hai năm trước, chiếc phà chỉ khứ hồi mỗi ngày hai bận, một buổi sáng một buổi chiều. Nói là phà chứ nó chỉ là một chiếc thuyền dùng chở súc vật hay hàng hóa nên không có ghế. Hành khách đành phải đứng giữa những chiếc xe đạp, thùng cá và rương hòm cũ kỹ, để cho những ngọn gió biển lạnh lẽo thổi qua cửa sổ tấp vào mặt. Nếu là ở Tôkyô thì chắc chắn đã có kẻ lên tiếng can ngăn hay mắng mỏ, nhưng ở đây, ai nấy đều giữ im lặng. Chỉ nghe mỗi tiếng động cơ của chiếc phà chứ ngay đám gà què bị giam trong những cái lồng lẩn lóc dưới chân hành khách cũng không dám hó hé điều gì. Chỉ khi mũi giày của họ hơi lấn tới và chạm phải thì chúng mới tỏ vẻ sợ hãi. Tôi thấy buồn cười là sự sợ hãi của chúng trông không khác gì vẻ mặt sợ hãi của mấy ông khách ngồi đợi phà trên bến khi nầy.

Gió thổi càng lúc càng mạnh, biển màu đen và sóng cũng đen. Bao lần tôi đã dợm châm điều thuốc nhưng dù làm cách nào, diêm cũng không bắt lửa vì gió thổi quá rát. Để khỏi tốn diêm vô ích, tôi đành vứt điều thuốc đầu đã ướt nước dãi ra ngoài thành phà. Gió mạnh đến nỗi tôi nghĩ là có khi chiếc phà này không biết sẽ trôi dạt về đâu. Hôm nay suốt nửa ngày trời, tôi đã phải ngồi lắc lư trên xe buýt từ Nagasaki đến đây. Vì mệt mỏi, từ vai đến lưng hầu như đông cứng, tôi bèn sụp mi mắt xuống để đôi tai mình chìm vào trong tiếng máy của chiếc phà.

Bao lần âm hưởng động cơ bỗng nhiên yếu hẳn trong vùng biển đen kịt, thế rồi nó cũng bắt chợt tìm lại khí thế, nhưng được một lúc thì lại chùng lảng. Nghe sự thay đổi nhịp điệu ấy độ vài lần thì khi mắt vừa mở ra trở

lại, tôi đã thấy ánh đèn trên đảo đang áp sát vào người.

- Ê ề!

Có ai đang gọi:

- Anh Watanabe có đó không đấy? Ném hộ sợi thừng nào!

Sau đó tôi đã nghe vọng lại tiếng kêu nặng nề của chùm giây thừng được ném lên trên cầu tàu.

Nhóm người sống trong vùng lần lượt rời chiếc phà. Mùi cá tanh hòa vào trong bầu không khí lạnh lẽo của trời đêm. Ra khỏi cửa soát vé, tôi thấy có năm sáu gian hàng bán đồ khô hay sản vật địa phương. Hình như vùng này vốn nổi tiếng với loại cá khô tên gọi Ago tức là khô làm từ giống cá bay (tobiuo). Một người đàn ông đi ủng cao và đeo tạp dề lao động (jumper) đang đứng đằng trước một cửa tiệm. Sau khi đã chăm chú nhìn đám hành khách đi ngang qua cửa soát vé, ông ta tiến về phía tôi và nói:

- Cảm ơn Sensei-sama (ông thầy) đã không quản ngại đường xa. Nhà cháu là người được giáo hội gửi đến để đón thầy đấy ạ!

Ông kính cẩn cúi đầu chào tôi đến không biết mấy bận làm tôi đâm phát ngại. Thế rồi, ông giành cảm hộ cho được cái cặp tôi đang mang theo. Cổ từ chối bao nhiêu, ông cũng không chịu thả. Khi tay ông chạm vào tay, tôi cảm thấy cánh tay ông thật rắn chắc và to lớn, chẳng khác nào rễ cây khô. Nó hoàn toàn khác với những cánh tay ẩm ướt và mềm nhão của đám tín đồ tôi quen biết ở Tôkyô.

Cho dù chúng tôi đi chung suốt quãng đường khá dài, ông vẫn khăng khăng giữ một cự ly, lẻo đẻo sau lưng cách tôi một bước. Tôi nhớ lại cách gọi Sensei-sama kính cẩn ông dùng trong câu chào khi nãy mà đâm lo. Có thể đây chỉ là cách xưng hô của dân địa phương lúc họ đang đứng trước một kẻ mà họ còn chưa tin tưởng. Mùi tanh của cá vẫn còn phảng phất quanh đây dù chúng tôi đã đi khỏi bến phà khá xa. Cái mùi ấy như đã thấm hẳn vào bên trong những ngôi nhà mái thấp viền hai bên con đường hẹp này và tôi tưởng chừng cái mùi ấy từng bám vào đấy tự lâu đời. Khác với hồi nãy, bây giờ thì những ánh đèn mờ mờ tôi đang nhìn thấy bên kia mặt biển lại là ánh đèn của hòn đảo lớn Kyushu.

- Này ông, cha xứ mạnh giỏi không đấy? Nhận được thư cha, tôi đã tức tốc bay xuống đây...

Tôi không nghe từ sau lưng một tiếng trả lời nào. Tôi những lo không biết mình có vừa làm điều gì thất thố, nhưng hình như không phải vậy. Có lẽ là ông ta còn có gì ngần ngại hoặc không muốn nhiều lời vô ích. Cũng có thể đó là thói quen có tự lâu đời của dân cư trên đảo vốn rất cẩn thận trong khi phát biểu. Nhất là khi họ nghĩ rằng đây là cách thức hay nhất để giữ cho mình được yên ổn.

Tôi từng gặp vị cha xứ nói trên ở Tôkyô. Nhân vì hồi đó, tôi đang viết mấy cuốn tiểu thuyết dùng cuộc sống của người Kirishitan (tín đồ Cơ Đốc) làm bối cảnh, còn ông thì từ đảo Kyushu mới lên và chúng tôi đã gặp nhau trong một buổi tiếp tân. Chính tôi là người tiến đến gọi chuyện với ông về đề tài này. Ông cũng có đôi mắt sâu hóm và gò má nhô cao, nghĩa là khuôn mặt với những đặc điểm của đám ngư dân trên đảo. Đứng lẫn vào giữa các chức sắc quyền thế như các linh mục và nữ tu ở Tôkyô, có lẽ vì nhút nhát nên dù được bắt chuyện, ông chỉ biểu lộ sự e dè và đã trả lời rất ít. Về điểm này, giữa ông và người đang cấp giùm cái cặp đi sau lưng tôi, hoàn toàn không có gì khác.

- Thừa cha, thế cha có biết đức cha Fukabori chứ nhỉ?

Năm trước, tôi đã mất một tiếng đồng hồ xe buýt để đi từ Nagasaki đến một ngôi làng chài và ở đó, tôi đã được vị cha xứ tên là Fukabori giúp đỡ tận tình trong việc thu thập tư liệu cho đề tài. Ông vốn là người lớn lên ở xóm Uragami-chô ven bãi nên đã đưa tôi ra biển dạy cách câu cá ngoài khơi. Ông còn đem tôi đến thăm những gia đình Kakure Kirishitan vốn vẫn ngoan cường không chịu "trở lại đạo" (tái cải tông, reconversion) [1]. Dĩ nhiên, tôn giáo mà những người "Cơ Đốc ẩn náu" (Kakure Kirishitan) [2] này tin theo vốn có một khoảng cách so với lòng tin "Cơ Đốc Giáo đích thực" vốn đã bị chính quyền cấm cản suốt một thời gian dài khi Nhật Bản bế quan tỏa cảng (sakoku). Không những thế, đạo của họ còn pha lẫn một ít Thần đạo, Phật giáo cũng như vài tín ngưỡng dân gian khác (thổ tục giáo) kể cả đôi ba điều mê tín nữa. Do đó, suốt một dải từ Nagasaki cho đến Goto, Ikitsuki [3], nơi họ sống rải rác, việc đưa đám người này "trở lại đạo" vẫn là mục đích của giáo hội địa phương, những kẻ kế thừa nhiệm vụ của giáo sĩ Petitjean, người đã đến đây vào thời Meiji.

- Lúc ấy, đức cha còn cho tôi tá túc ở nhà thờ nữa đấy!

Tuy tôi định nắm lấy mối giây của câu chuyện để gỡ nó ra nhưng người đứng đằng trước vẫn nắm chặt cái cốc đựng nước hoa quả (juice) trong bàn tay và chỉ trả lời bằng mấy tiếng vâng, vâng ... cụt ngắn.

- Thế thì trong giáo phận nơi cha quản hạt, có người Kakure không vậy?
- Vâng có.
- Đạo này đám đó được đưa lên đài truyền hình và được trả với giá khá cao nên họ cũng đã vui vẻ xuất hiện ấy nhỉ?. Cái ông già được đức cha Fukabori giới thiệu cứ tưởng như đang đóng vai nhà bình luận trong một tiết mục trình diễn. Có thể nào mình đi gặp được mấy người Kakure như thế không cha?
- Chà, coi bộ hơi khó đấy, thầy!

Cuộc đối thoại chấm dứt nơi đây và tôi đã để ông ngay đó rồi rời đi chỗ khác. Tôi định bụng kiếm một người nào để bắt chuyện hơn ông.

Thế nhưng điều tôi không ngờ là khoảng một tháng trước đây, tôi đã nhận được lá thư đến từ ông cha xứ miệt vườn tính tình chất phác này. Lá thư đã bắt đầu bằng mấy chữ "Bình an trong Thiên Chúa" vốn là câu giáo đầu mà người Cơ Đốc hay dùng. Trong thư, ông cho biết là sau khi thuyết phục thành công nhóm người Kakure sống trong giáo phận mình quản hạt, ông đã được họ cho xem các bản sao chụp hình ảnh Thần Chủ (Thần Nhà Kho, Nandogami) [4] lẫn những tấm sớ dùng để cầu nguyện (Orasho, Oratio). Điều tôi không ngờ là nét chữ trong thư lại được viết hết sức chín chu.

- Trong xóm này có người Kakure nào sống không ông?
 Khi tôi quay đầu lại để hỏi thăm, chỉ thấy người đàn ông nọ lắc đầu:

- Thưa, không ạ! Họ sống trên núi cơ.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã đến được nhà thờ. Đứng đợi sẵn ở đó là một người đàn ông mặc chiếc áo chùng đen (soutane) [5] và một thanh niên bên cạnh chiếc xe đạp.

Dù trước đây chỉ mới một lần thôi nhưng dù sao cũng gọi là đã được gặp ông, tôi mới cất tiếng chào hỏi cha xứ một cách thân mật. Thế nhưng người đứng đối diện lại ra chiều bối rối và đưa mắt hết nhìn cái ông được cử ra đón tôi đến anh thanh niên nọ. Lý do là tôi đã bé cái lắm. Tôi quen khuấy là khác với Tôkyô hay Ôsaka, ở những địa phương như nơi đây, một người được gọi là đức cha (shimpu-sama) thường kiêm cả vai trò thôn trưởng trong vùng và nhiều khi còn được tôn kính hơn nữa, đến mức người ta xem ông là một tiểu lãnh chúa.

Cha xứ ra lệnh cho chàng thanh niên:

- Này Jirô. Chú đi báo cho Nakamura-san biết là Sensei đã đến nơi rồi đấy!
- Con sẽ bảo ông ta tới ngay.

Anh thanh niên cung kính cúi đầu, trèo lên chiếc xe đạp rồi tức thời biến mất trong màn đêm.

- Thưa cha, thế làng của người Kakure nằm ở đâu ạ?

Trước câu hỏi tôi đặt ra, cha xứ đã chỉ cho tôi một con đường hoàn toàn ngược với đường đi đã có từ trước đến giờ. Nhìn lên, không biết có phải vì núi non che chắn hay sao mà nơi đó, dù một ánh đèn tôi cũng không thấy. Vào thời tôn giáo bị bức hại, những người "Cơ Đốc ẩn nấp" này, để tranh tai mắt của các viên nha lại, đã chọn những chỗ trên núi hay ngoài biển khó truy lùng nhất để sinh sống. Nơi mà cha xứ vừa chỉ cho tôi chắc không có gì khác. Nghĩ đến tấm thân không mấy khỏe khoắn của mình, tôi tự nhủ ngày mai thì có hơi kíp, mình chớ vội đi. Bấy năm về trước, tôi nhờ giải phẫu lồng ngực mới lành bệnh phổi nên giờ hãy còn chưa đủ tự tin về thể lực.

Tôi chiêm bao thấy mẹ tôi. Hình như giấc mơ đến với tôi vào lúc vừa được người ta chuyển vào phòng sau khi mổ xong lồng ngực. Họ đã đặt tôi xuống mặt giường như một cây chết. Lỗ mũi tôi được nối bằng ống cao su với bình chứa dưỡng khí, còn cánh tay phải và cả chân phải nữa, đều bị cấm nhiều kim chích. Cũng vì lúc đó bên cạnh giường bệnh có treo lồng lẳng một bình đựng dung dịch máu và nhà thương đang tiếp huyết cho tôi. Nhất định là thần trí tôi đang ở trong trạng thái mê mông nhưng trong cái bản thần do thuốc mê gây ra, tôi vẫn cảm thấy có một cái bóng xám xám thấp thoáng bên người và nắm lấy tay mình. Đó là bóng của mẹ tôi. Lạ lùng là khi đó, trong phòng bệnh này không có một bác sĩ nào hay bà vợ của tôi.

Cho đến nay, tôi đã bao phen thấy giấc mộng như thế rồi. Nhiều khi, sau khi tỉnh giấc, tôi vẫn chưa phân biệt cái mình vừa thấy là mộng hay thực nên đã nằm thờ thẩn trên giường cả một lúc lâu. Sau đó, tôi mới chợt nhận ra là đang ở nhà mình chứ không phải là trong cái bệnh viện mà tôi đã phải nằm đến ba năm trời. Thành thử, khi ý thức được điều đó, nhiều lần tôi không nén nổi tiếng thở dài.

Tôi không hé môi cho vợ tôi hay câu chuyện giấc mơ đó. Tình thực mà nói, bà là người mà, sau ba cuộc giải phẫu, đã canh giấc cho tôi thâu đêm và không được chợp mắt một giờ. Thế mà trong giấc mơ kia, tôi chưa lần nào thấy sự có mặt của bà và điều đó đã làm cho tôi cảm thấy mình có lỗi. Tuy vậy, nói cho cùng, thì trong nơi sâu thẳm của hồn mình, tôi chưa bao giờ để ý đến sự tồn tại của bà. Chẳng qua là sự gắn bó chặt chẽ giữa tôi với mẹ đã khiến cho ngay hôm nay - tức hai mươi năm sau ngày húy nhật - mẹ tôi vẫn còn đó và bao lần đã hiện ra trong giấc mộng dù tôi không thích điều đó chút nào.

Là một người không rành rẽ về khoa phân tâm học, tôi khó lòng hiểu được ý nghĩa của giấc mơ ấy. Kỳ thực, khi chiêm bao, tôi cũng không thấy rõ gương mặt của mẹ tôi. Ngay những cử động trong đó cũng không rõ ràng. Về sau tôi mới nghĩ ra rằng, đó là hình ảnh của một người "có vẻ" là bà mẹ nhưng tôi không thể đoán chắc người ấy là mẹ của tôi. Duy có một điều chắc chắn, người ấy không phải là vợ tôi cũng như cô tháp tùng hay cô khán hộ, và dĩ nhiên không phải một ông bác sĩ nào cả.

Qua những gì tôi còn giữ trong ký ức thì ngay khi còn thơ ấu, cả trong thời gian đau ốm, tôi cũng chưa hề trải qua kinh nghiệm được mẹ nắm chặt bàn tay mình để đưa tôi đi vào giấc ngủ. Ngày thường, hình ảnh tôi dễ nhận ra nhất nơi bà là một người đàn bà sống rất mãnh liệt.

Hồi tôi lên năm, vì công ăn việc làm của cha tôi, gia đình đã dời qua thành phố Đại Liên (Dalian) bên Mãn Châu. Cái còn hiện ra rõ ràng nhất trong óc tôi là những giọt nước nhỏ xuống và đóng thành băng (băng trụ, tsurara) giống như hàm răng cá bên cửa sổ ngôi nhà nhỏ của chúng tôi. Bầu trời màu xám chì tường chừng như sắp có tuyết rơi nhưng chờ mãi chẳng thấy tuyết đâu. Trong căn phòng bé bé diện tích chừng sáu chiếu tatami, mẹ tôi đang tập chơi vĩ cầm (violin). Đã mấy tiếng đồng hồ rồi mà bà vẫn chơi đi chơi lại mỗi một khúc nhạc. Chiếc vĩ cầm vẫn tựa vào dưới cằm và khuôn mặt bà cứng lại giống như phiến đá, còn đôi mắt thì nhìn đăm đăm vào một điểm cố định trong không gian. Bà đang chú tâm để tìm cho ra cái điểm mà mình muốn, bắt cho được nốt nhạc duy nhất trong cội hư vô ấy. Khi vẫn không tìm ra âm tố mình muốn, bà đã thở dốc và cấu kính đèn cái mã vĩ để tiếp tục ép nó chuyển động trên mấy sợi dây đàn. Tôi biết rằng dưới cằm của bà có một chỗ màu nâu vì bị chai sần tựa như vết cắn. Lý do là một phần, từ hồi còn ngồi trên ghế trường âm nhạc, bà đã có thói quen lên cây vĩ cầm vào dưới cằm, phần khác vì hay đưa năm đầu ngón tay sờ vào đó làm cho nó dần dần cứng lại như đá. Bà đã đè ép sợi giây đàn cả nghìn lần như thế chỉ vì muốn tìm cho được âm sắc mình mong muốn.

Đó là hình ảnh bà mẹ tôi có lúc tôi là học trò tiểu học. Hình ảnh người mẹ trong lòng tôi lúc đó là một phụ nữ bị chồng ruồng rẫy đang ngồi bất động như pho tượng đá trên chiếc trường kỷ (sofa) trong căn phòng tù mù lúc hoàng hôn bắt đầu phủ bức màn xám lên thành phố Đại Liên. Cảnh tượng người mẹ phải làm như thế để dồn nén những nỗi khổ tâm đã khiến cho một đứa trẻ như tôi đau đớn không biết chừng nào. Ngồi bên cạnh bà, tôi giả vờ đem những bài tập cho về nhà ra làm nhưng tất cả đầu óc tôi chỉ hướng mỗi về bà. Vì không rõ sự tình khó khăn đến mức độ nào, nên khi bà cúi mặt, chống hai bàn tay lên đỡ lấy đầu một cách khổ sở thì hình ảnh đó, ngược lại, đã phản chiếu trong tôi, khiến cho tôi cảm thấy cay đắng vô vàn vì không biết mình phải xử trí làm sao.

Cảnh tượng u ám như thế đã diễn ra từ mùa thu bước qua mùa đông. Không còn muốn nhìn thấy mẹ mình mỗi ngày trong gian phòng u ám với tư thế đó nên buổi chiều khi đi học về, tôi cứ đi lê la, thất tha thất thểu. Tôi đã theo chân ông lão hàng rong người Bạch Nga bán bánh mì Nga (Russian pan) không biết đến tận vùng nào. Rốt cuộc, mãi đến khi mặt trời sắp tắt, tôi mới đứng lại bên vệ đường và đá lăn những viên sỏi nhỏ rồi chọn con đường về hướng nhà mình.

- Nay, mẹ của con đó, nghe con...

Một hôm, không hiểu tại sao cha tôi lại dắt tôi theo khi đi tản bộ, một chuyện năm thì mười họa mới xảy ra. Ông đã bất ngờ ngó lơi với tôi như thế.

- Mẹ của con có việc quan trọng phải trở về Nhật... Thế con có muốn đi cùng mẹ không nào?

Nhìn mặt cha, tôi hiểu là ông đang nói dối theo kiểu người lớn. Tôi chỉ trả lời có và chỉ một tiếng một đó thôi. Bước sau lưng ông, lúc ấy tôi đã đá không biết bao nhiêu là viên sỏi nhỏ nhưng miệng thì vẫn ngậm câm. Vào tháng sau, mẹ đã dắt tôi lên tàu thủy đi từ Đại Liên về Kobe và nương nhờ nơi người chị của bà.

Nói về bà mẹ thời tôi học trung học ư? Tôi có rất nhiều chuyện để kể về giai đoạn đó nhưng có thể tóm tắt trong một điểm. Giống như thời xưa khi bà đánh đi đánh lại một điệu nhạc trên cây vĩ cầm để tìm cho ra cái

nốt nhạc mình mong muốn, lúc đó bà chỉ theo đuổi một tôn giáo duy nhất mình hằng chờ đợi bằng cách sống một cuộc đời khắc khổ và cô độc. Những buổi sáng mùa đông, giữa bình minh buốt giá, tôi vẫn thấy ánh đèn sáng lên trong phòng bà. Tôi biết trong gian phòng, lúc đó bà đang làm gì. Bà đang lần xâu chuỗi mân cô và cầu nguyện. Thế rồi, sẽ đến giờ bà kéo tôi lên xe điện Hankyu [6] chuyển sớm nhất trong ngày để đi dự lễ Misa. Toa tàu vắng vẻ, không một bóng ai. Tôi thu người trên ghế và đùa nghịch bằng cách giả vờ như mình đang chèo thuyền. Thế nhưng, đôi khi mở mắt ra nhìn, tôi thấy ngón tay của mẹ vẫn còn lần xâu chuỗi mân cô.

Trời hãy còn tối, tôi chợt tỉnh giấc nhờ tiếng mưa rơi. Sau khi đã hấp tấp sửa soạn mặt mũi quần áo, tôi chạy từ ngôi nhà trệt đang ở về hướng cái nhà nguyện xây bằng gạch nằm ở phía đối diện. So với hòn đảo nghèo nàn này thì ngôi nhà nguyện trông thật đẹp để nên không ăn khớp với nó chút nào. Theo lời cha xứ cho tôi biết vào tối hôm qua thì tín đồ của giáo phận này đã tự tay khuôn đá, xẻ ván và phải mất hai năm trời mới dựng được nó lên. Ba trăm năm về trước, vào thời đại của người Kirishitan, tất cả các tín đồ thuở đó vì muốn làm vui lòng các nhà truyền giáo, đã tự góp sức mình để xây dựng nhà thờ. Tập quán ấy đã được truyền đến hòn đảo hiu quạnh và nghèo khổ trên đất Kyushu này và người ta cứ thế mà chấp nhận y nguyện.

Trong ngôi nhà nguyện hãy còn nằm giữa bóng tối lờ mờ, tôi thấy có ba bà nông dân đầu đội khăn vải trắng đang quì nhưng trên người, họ vẫn mặc trang phục ngoài đồng (noragi). Lại có chừng hai người đàn ông trong bộ quần áo làm việc. Vì nhà nguyện vừa không có bàn để khăn lại không có cả ghế nên tất cả phải ngồi trên mặt chiếu dọc kinh. Chắc là sau khi dự xong cái lễ Misa này, bọn họ sẽ cứ thế mà vác cuốc đi thẳng ra đồng hay ngoài biển. Trên bàn chủ tế, vị cha xứ kia đang hướng cặp mắt lồi sâu nhìn về phía này trong khi hai tay ông cầm cái chén lớn đựng rượu lễ (caliz) và miệng lẩm bẩm lời kinh xin tiếp nhận thánh thể. Ánh sáng của những ngọn đèn bạch lập chiếu lung linh lên cuốn Kinh Thánh khổ lớn được viết bằng chữ La Tinh. Lòng tôi chạnh nghĩ về người mẹ của mình. Tuy nhiên tôi không cảm thấy giữa ngôi nhà thờ nơi ba mươi năm về trước mẹ con tôi vẫn thường lui tới và cái nhà nguyện này có cái gì chung.

Buổi lễ Misa chấm dứt, khi tôi bước ra bên ngoài nhà nguyện thì cơn mưa đã tạnh nhưng trời vẫn đầy sương mù vừa mới bốc lên. Hướng thôn làng của người Kakure mà cha xứ vừa chỉ cho tôi hôm qua đang bị một màn sương trắng như sữa phong kín. Trong vùng sương mờ ấy tôi thấy bóng dáng những khu rừng cây trôi bồng bênh tựa như phong cảnh trong tranh thủy mặc.

- Sương mù kiểu này, không cách chi lên tới đó đâu!

Vừa chà xát hai bàn tay vào nhau, từ sau lưng tôi, cha xứ lẩm bẩm

- Đường núi trơn lấm đấy! Chắc hôm nay, thầy nên nghỉ một ngày lấy sức đi! Sáng mai lên đường thì đã sao nào! Trong xóm này cũng có mộ của người Kirishitan, từ chiều hôm nay, thầy đã có thể đi thăm được rồi.

Đó là phương án cha xứ đã đề nghị với tôi. Còn như ngôi làng của người Kakure thì nó vốn nằm ở lưng chừng núi, dân bản địa thời may ra chứ một người từng bị cắt đi một lá phổi như tôi, làm gì có đủ lượng không khí để thở nếu phải bước trên những con đường ướt át nằm bên dưới màn mưa. Đến lúc sương mù tách ra, qua khe hở của nó, tôi đã nhìn thấy biển. Khác với hôm qua, dường như màu nước đen thẫm hơn mà còn lạnh nữa. Chưa thấy bóng con thuyền nào dám ra khơi. Giống như những chiếc răng nanh màu trắng, sóng đang trào bọt. Dù chỉ đứng ở đây mà nhìn, tôi cũng có thể hiểu được tình huống.

Sau khi dùng xong cơm sáng với cha xứ, tôi sang bên căn phòng sáu chiếu tatami họ dành cho mình, nằm lăn ra và đọc quyển sách viết về lịch sử vùng đất này. Những hạt mưa thưa đã rơi trở lại, âm thanh lạo xạo như cát đang chảy của nó bao trùm lên bầu không khí tĩnh mịch của căn buồng. Trên tường, ngoài tám thời khắc biểu những chuyển ô-tô-buýt được dán lên, không còn thấy gì khác. Tự dưng tôi những muốn quay lại Tôkyô.

Theo những gì được ghi chép lại thì cuộc bách hại người Kirishitan ở địa phương này đã khởi đầu từ năm 1607 [7] nhưng xảy ra kịch liệt nhất là trong giai đoạn 1615 đến 1617.

- Giáo sĩ Pedro de San Dominico
- Mathias
- Fransisco Gorosuke

- Miguel Shin'emon
- Dominico Kisuke...

Tôi đã tuyển chọn những cái tên đó từ danh sách các nhà truyền giáo hay tu sĩ tử đạo (junkyô = tuần giáo) vào năm 1615 trên mảnh đất nơi tôi đang có mặt. Nhưng thực tế thì chắc chắn là trong số nông dân không tên tuổi cũng như phụ nữ các làng chài hẳn còn có vô số người đã bỏ mình vì đạo. Lúc trước, khi có nhiều thời giờ rảnh rỗi dành cho việc đọc lịch sử những người tử đạo, trong đầu tôi có lần đã nảy ra một giả thuyết khá táo bạo. Tôi lập luận là những cuộc xử hình này không nhắm vào lòng tin của từng cá nhân một nhưng phải chăng nó đã được dàn dựng để răn đe các chức sắc và nhân vật đại diện cho dân chúng trong các thôn làng? Tuy rằng trong khi chưa tìm ra một bản ghi chép đương thời nào chứng minh cho nó, lập luận của tôi vẫn còn nằm trong phạm vi của một giả thuyết và sẽ còn như thế không biết đến bao giờ. Thế nhưng, tôi có cảm tưởng là vào thời đại ấy, mỗi cá nhân không ai tự mình chọn lựa giữa tử đạo hay bội đạo mà thường quyết định theo ý chí của làng nước.

Lý do là vào lúc ấy, ý thức cộng đồng của đám dân làng và dân xã ấp thường dựa trên quan hệ huyết thống, xem nó như một trọng điểm, và lại mạnh mẽ hơn bây giờ nhiều. Việc đề kháng được sự bức hại hay chuyển qua vâng phục không do từng cá nhân quyết định nhưng là quyết định chung của cả tập thể dân làng. Điều đó là cơ sở một giả thuyết mà xưa nay tôi vẫn chủ trương. Nói tóm lại, nếu đám nha lại đem tất cả những ai cương quyết không bỏ đạo mà giết hết thì họ đồng thời cũng tiêu diệt sức lao động trong vùng nên họ chỉ nhắm xử hình những người tiêu biểu. Về phía dân chúng làng xã thì vì sự sống còn của tập đoàn, khi bắt buộc phải thay đổi, họ sẽ bỏ đạo cùng một lượt. Ý tưởng trên đã làm cho tôi xem việc tử đạo ở Nhật Bản có một cái gì khác so với việc tử đạo ở ngoại quốc.

Có tư liệu ghi lại rằng vào thời xưa, một hòn đảo Nam Bắc dài 10 km, Đông Tây rộng 3, 5 km như nơi đây, đã có vào khoảng 1.500 giáo dân Kirishitan sinh sống. Lúc bấy giờ, người đến truyền đạo trên đảo là linh mục Camillo Constanzo, một giáo sĩ Bồ Đào Nha. Vị này đã bị đưa lên giàn hỏa trên bãi biển Tabira vào năm 1622 [8]. Nghe kể rằng khi lửa đã bén đến củi và linh mục bị bao trùm bởi làn khói đen, đám đông vẫn nghe ông hát bài thánh ca "Laudate Dominum" để tôn vinh Chúa. Sau khi hát xong, ông còn cao giọng lập đi lập lại "Thánh thay! Thánh thay!" tất cả năm lần rồi mới trút linh hồn.

Nơi xử hình linh mục này là một hòn đảo nhỏ lờm chờm những đá mà nếu muốn đi từ hòn đảo này đến đó, đám nông dân và chài lưới phải dùng thuyền con và mất khoảng nửa giờ. Các tín đồ không chịu từ bỏ đạo đã bị trói nguyên cả chân tay và xô xuống biển từ những vách đá thẳng đứng. Vào thời điểm cuộc đàn áp đi đến chỗ ác liệt nhất, hình như mỗi tháng số tín đồ bị đem đến xử tử trên hòn đảo nham thạch gọi là Nham Đảo (Iwajima) ấy không bao giờ dưới 10 người. Bọn nha lại có khi cảm thấy phiền toái cho mình nên đã bọc họ trong chiếu lát thành từng bó và thả tất cả xuống mặt biển lạnh giá. Dĩ nhiên thi thể của những tín đồ bị ném như vậy hầu như không ai tìm ra được.

Tôi đã giết thời giờ bằng cách đọc lại quyển sử nói về những người tử đạo thảm thương ấy cho đến quá buổi trưa. Bên ngoài những giọt mưa sương vẫn cứ rơi rơi. Trong bữa ăn trưa, tôi không thấy bóng cha xứ đâu. Một bà trung niên da dẻ rám nắng với gò má nhô cao phụ trách việc dọn cơm cho tôi. Tôi cứ ngỡ bà là vợ của một ông dân chài nào nhưng qua câu chuyện, chao ôi, tôi đã ngạc nhiên biết mấy khi hay rằng bà là một nữ tu, sống độc thân và đã dành cả đời mình để làm công việc nhà thờ. Nói về các nữ tu thì một người như tôi, lúc ở Tôkyô, chỉ biết có những bà xơ hay mặc mấy bộ đồ màu đen rất đặc biệt. Nhờ có bà này mà lần đầu tiên tôi mới được nghe kể về tổ chức hội thánh ở đây, trong đó bà là một trong những người thuộc về "Onnabeya" (Chi nhánh nữ), thuật ngữ trong vùng để chỉ về những người đàn bà vừa lo công việc đồng áng như một nông dân, vừa trông coi con nít ở nhà trẻ, vừa chăm sóc bệnh nhân ở bệnh viện... Nói chung sinh hoạt của họ đều là sinh hoạt tập đoàn.

- Đức cha vừa lấy xe gắn máy đi lên núi Fudô (Bất Động Sơn) đấy ạ! Khoảng ba giờ chiều, ngài sẽ về! Bà vừa nhìn về phía cửa sổ đang ướt nước mưa vừa bảo tôi:

- Tiếc là thời tiết xấu khiến thầy đâm chán, chứ chút nữa thôi, sẽ có Jirô-san đăng cơ quan hành chánh đến hướng dẫn thầy đi xem ngôi mộ của người Kirishitan đấy

Jirô-san bà vừa nhắc đến là anh thanh niên tối hôm qua đã cùng cha xứ đứng đợi tôi trước cửa nhà thờ. Đúng như lời bà, khi tôi vừa ăn xong bữa cơm trưa chưa được bao lâu, anh Jirô đã tới để rủ tôi đi. Đặc biệt là anh đã chuẩn bị cho tôi một đôi ủng cao.

- Thầy đi giày của mình là không được đâu! Lầm bầm hết cho coi.
- Anh ta cứ cúi đầu lia lịa, xin lỗi xin phải tôi mãi vì đôi ủng anh vừa mang tới là đồ dùng đã cũ, làm tôi cũng cảm ái ngại cho anh.
- Em thật mắc cỡ khi phải đưa thầy đi bằng chiếc xe thồ cà tàng này!

Chiếc xe hơi bốn bánh loại nhẹ của anh khi vừa ra khỏi xóm thì đúng như điều tôi hôm qua tôi đã tưởng tượng, đã đi vào một con đường có những căn nhà mà mùi tanh của cá thấm cả vào từng thớ gỗ. Ngoài cảng của đảo, có chừng mười chiếc thuyền con đang đậu, ý chừng họ vẫn chuẩn bị rời bờ dù thời tiết xấu. Ở vùng này chỉ có công sở và trường tiểu học là được xây bằng bê tông cốt sắt. Tiếng là khu phố chính nhưng chưa đến năm phút sau, phong cảnh đã đổi thành những mái nhà dân lợp bằng rơm rạ. Trên một cột điện ướt nước mưa, có ai đó đã dán một tấm quảng cáo một buổi trình diễn vũ lửa thể. Tấm quảng cáo ấy có hình ảnh một bà người không mảnh vải đang đưa một cánh tay đề lên đôi vú, bên dưới còn chạy một hàng chữ: "Nữ hoàng của nhục thể (Sekusu no ôja)".

- Cha xứ đã vận động dư luận trong vùng để phản đối kiểu quảng cáo như thế rồi!
- Nhưng lớp trẻ vẫn lục tục đến xem chứ gì? Ngay cả giới thanh niên đi đạo nữa, có phải không?

Nghe câu nói đùa của tôi, anh Jirô chỉ nắm chặt tay lái mà không trả lời. Tôi bèn vội vàng đổi đề tài:

- Bây giờ, số tín đồ trong vùng được khoảng bao nhiêu hử cậu?
- Thừa Sensei, có lẽ chừng một nghìn.

Có tài liệu ghi chép là vào thời Kirishitan, dân số ở đây lên đến 1.500, vị chi là nó đã giảm bớt đi 500.

- Còn số người Kakure?
- Thừa em không biết nhưng chắc là mỗi năm mỗi ít đi dần thì phải. Những người còn giữ phép tắc thờ phượng của Kakure chỉ độc các ông già bà cả chứ bọn trẻ đã xem mấy chuyện đó là hủ lậu từ lâu.

Anh Jirô đã kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện khá thú vị. Chẳng hạn như việc nhóm người Kakure này, dù các cha xứ và tín hữu Ki-Tô Giáo thuyết phục "trở lại đạo" đến đâu, họ cũng không bao giờ chịu nghe. Theo lời họ kể thì chính họ là những người đã gìn giữ tôn giáo cũ (Cựu giáo) do ông bà truyền lại và mới đúng là người Cơ Đốc chính gốc. Họ lại cực lực chủ trương rằng Cơ Đốc Giáo có từ thời Meiji chỉ là một thứ đạo mới (Tân giáo). Hơn nữa, hình ảnh của các giáo sĩ (Padre) họ giữ trong tâm khảm tự bao đời và cách phục sức của các cha xứ ngày nay đã khác nhau quá đổi và những điều đó đã trở thành mầm mống cho sự thiếu tin tưởng nơi họ.

- Tuy vậy, thầy ạ, có một vị linh mục người Pháp thấy thế mới vắt óc và đã nảy ra một kế lạ. Ông đã ăn mặc quần áo y hệt kiểu các Padre thời xưa và tìm tới gặp những người Kakure này.
- Thế rồi sao?
- Người Kakure lúc đó mới thưa với ông rằng giống thì giống đấy nhưng vẫn có cái gì khang khác. Do đó họ không thể nào tin nổi...

Qua câu chuyện Jiro-san kể, tôi cảm thấy anh có một chút khinh miệt đối với người Kakure nhưng lúc ấy, tôi chỉ phá lên cười. Việc vị linh mục người Pháp kia giả dạng các giáo sĩ Tây, Bỏ thời Namban (Nam Man) [9] đến thăm người Kakure xem ra có chút gì hài hước nhưng dù sao, tôi vẫn thấy nó phù hợp với tâm trạng của người dân trên đảo này.

Sau khi ra khỏi xóm, chiếc xe đi theo con đường màu xám chạy dài ven biển. Phía tay trái ép sát vào núi còn bên tay mặt là biển. Biển đang động, nước vẫn đục và xám một màu chì. Tôi vừa mở hé cánh cửa kính trên xe thì đã thấy những luồng gió đem theo nước mưa vào, đập đến rất mặt. Khi đến được chỗ có khu rừng được trồng lên với mục đích chắn gió, Jirô-san dừng xe lại. Anh giương dù ra che cho tôi. Tuy khu vực này là đất cát nhưng người ta cũng ráng trồng rải rác đó đây được mấy cụm thông. Khu có mộ của người Kirishitan nằm một góc trên một ngọn đồi cát cheo leo đổ nghiêng về phía biển. Gọi là mộ nhưng đó chỉ là một phiến đá mà nếu lên gân, tôi có thể ôm và nâng cả nó lên. Một phần ba ngôi mộ đá đó đã lún vào trong cát, còn mặt ngoài vì gió tấp mưa sa nên đã xám xịt như chì. Trên đá vốn vẹn một vài nét bút kẻ hình thập tự giá và mấy chữ M. và R. theo mẫu tự La Mã. Nó làm tôi liên tưởng đến danh hiệu Đức Mẹ Maria nên đoán mò rằng đây có thể là nơi an nghỉ của một nữ tín hữu.

Tôi không hiểu tại sao lại có một ngôi mộ nằm riêng biệt ở một nơi khuất nẻo như thế này? Phải chăng sau khi bị bức hại, thân tộc đã lén lút dời xác bà ra một nơi mà sẽ không ai để ý. Cũng có thể là giữa lúc bị bức hại, bà

đã bị xử hình tại chỗ nghĩa là ngay trên đồi cát. Phía bên kia nắm mồ của người tín nữ bị bỏ bê không ai lý tới đó, một vùng biển hoang dã đang trải rộng. Tiếng gió đập vào cánh rừng chắn nó tạo thành những âm thanh như khi giầy điện xoẹt vào nhau. Giữa biển khơi đen kịt, tôi chợt thấy một hòn đảo nhỏ. Phải chăng đó là Iwajima (Nham Đảo), nơi có cái vách đá dựng đứng mà những kẻ đàn áp đã cột các tín đồ thành xâu và ném họ xuống biển?

Tôi nhớ mình đã có lần nói dối mẹ. Chuyện nói dối mẹ, bây giờ nghĩ lại, tôi cho rằng nó đã phát xuất từ mặc cảm tôi có đối với bà. Để có thể quên đi những khổ muộn từ khi bị người chồng ruồng bỏ, mẹ tôi chỉ biết tìm nguồn an ủi trong tình yêu tôn giáo. Ngoài nó ra bà không có gì khác để nương tựa. Cái nhiệt tình đeo đuổi một âm tố vĩ cầm của thời son trẻ, bà đã chuyển hướng về một Đấng thiêng liêng duy nhất. Ngày nay tôi có thể thông cảm phần nào thái độ tận tụy của bà nhưng phải nói vào lúc đó, nó đã áp bức tôi một đến ngạt thở. Bà càng cưỡng ép tôi theo cùng một tôn giáo với bà bao nhiêu thì càng làm cho tôi, giống như một đứa trẻ sắp chết đuối, cố sức vùng vẫy để thoát khỏi áp lực của dòng nước cho bằng được.

Trong các cậu bạn cùng lớp của tôi có một đứa tên Tamura, con trai một ông chủ nhà chứa ở vùng Nishinomiya. Lúc nào nó cũng quần quanh cổ một cái băng vải bẩn thỉu và hay vắng mặt ở lớp. Có lẽ từ hồi đó, nó đã bắt đầu mắc phải bệnh lao rồi. Thấy bọn học sinh giỏi trong lớp ra vẻ khinh miệt nó và nó cũng không có bao nhiêu bạn bè, tôi bèn tìm đến làm thân. Tình cảm muốn kết bạn với một người như nó có thể xem như phản ứng nổi loạn của tôi trước lối cư xử quá nghiêm khắc của mẹ mình.

Lần đầu tiên khi được Tamura dạy cho hút thuốc lá, tôi đã cảm thấy mình như vừa mắc phải một tội trọng. Đứng đằng sau chỗ tập bắn cung của nhà trường, nhìn trước nhìn sau coi có ai không, Tamura đã chậm rãi rút từ trong túi bộ đồng phục một gói thuốc lá đã nhăn nhúm.

- Mới hút lần đầu nên mày chớ hút một hơi quá mạnh. Và nhớ thổi phù ra ngay!

Tôi đang khổ sở với cái mùi hăng hắc làm mình phát ho vì nó kích thích cả mũi lẫn cuống họng, thì cùng lúc, dưới riềm mi tôi, lại hiện ra khuôn mặt của mẹ mình. Đó là khuôn mặt khi bà vừa bước ra khỏi giường giữa đêm đen rồi bắt đầu lần chuỗi mân-côi cầu nguyện. Như để đuổi cho khuất mắt cái hình ảnh đó, tôi lại nuốt khói vào sâu hơn nữa.

Chuyện ghé vào rạp xi-nê trên đường từ trường về nhà, tôi cũng đã được Tamura tập tành cho. Tôi theo chân nó và nấp trong bóng tối để lén chui vào rạp Niban ở gần ga Nishinomiya trên đường xe điện Hankyuu. Nơi đó luôn luôn thoang thoang một mùi thối tha từ nhà vệ sinh. Tiếng máy chiếu phim rè rè đơn điệu chen vào giữa tiếng ho của mấy người già và tiếng con nít khóc. Những lúc như vậy, tôi thường tự đặt câu hỏi là không biết mẹ tôi giờ này đang làm gì.

- Tội mình về đi mày!

Tamura bị tôi thôi thúc mãi nên phát cáu.

- Thằng này sao mà ồn ào quá thể! Nếu mày muốn thì cứ về một mình đi.

Khi hai đứa tôi ra đến bên ngoài, chuyến xe điện Hankyuu chở đầy người vào giờ tan tầm vừa chạy ngang trước mắt.

- Làm gì mày sợ bà già mày đến cỡ đó?

Tamura lắc vai tôi và nói như chế diễu.

- Cứ lựa lời khôn khéo giải thích cho bà nghe là được thôi mà!

Sau khi chia tay với nó, tôi tiếp tục bước trên con đường vắng vẻ, thầm nghĩ không biết mình sẽ đánh lừa mẹ cách nào. Thế mà ngay đến khi về tới nhà, tôi vẫn chưa nghĩ ra một câu nói dối nào cho thỏa đáng.

- Con có giờ học thêm. Các thầy bảo cần chuẩn bị đề thi vào trường cấp trên.

Tôi đã lấy hơi để tuôn ra một lời giải thích đó. Thế rồi khi thấy mẹ mình cứ tin vào đó không chút nghi ngờ, trong lòng tôi bỗng dậy lên cùng lúc một nỗi đau đớn kèm thêm cái tình cảm thỏa thuê.

Thành thực mà nói, lúc ấy tôi không có lòng tin tôn giáo nào hết. Dù tuân theo mệnh lệnh của mẹ để đi nhà thờ nhưng tôi chỉ vờ vịn làm vậy chỉ như chấp hai tay và cầu nguyện chứ thật ra tôi đang ở trong trạng thái lơ đãng và thường là suy nghĩ không đâu. Đầu óc tôi đang nhớ lại những "xen" trong mấy cuốn phim đôi khi tôi đã đi xem với Tamura cũng như mấy tấm ảnh đàn bà mà có một hôm nó đã dú dí cho tôi. Trong nhà

nguyện, tôi chỉ bắt chước các tín đồ, lúc quì xuống, lúc đứng lên và cầu kinh theo cha xứ giống như cái máy khi ông cử hành lễ Misa. Tôi càng muốn khống chế bao nhiêu, những ý nghĩ vẫn vơ lại trào lên trong đầu bấy nhiêu như thể chúng muốn trêu ngươi tôi.

Tôi thực không hiểu vì có gì mẹ tôi lại theo cái thứ tôn giáo này. Tôi có cảm tưởng nội dung lời giảng của cha xứ cũng như những sự kiện chép trong Kinh Thánh, ngay cả cái thập tự giá kia đều là những chuyện xảy ra tự đời xưa đời xưa, chẳng liên hệ gì đến chúng tôi cả và tôi không thể nào cảm được chúng như những sự thực. Tôi thấy mình nghi ngờ tình cảm của đám giáo dân đến ngày chủ nhật là tới đây nhóm họp, lúc vừa dâng hăng, lúc vừa nạt nộ bọn con nít, lại vừa chấp hai tay làm lễ. Đôi khi tôi có hối hận vì lối suy nghĩ và con người của mình, cảm thấy có lỗi với mẹ nên đã cầu xin rằng nếu có một Đức Chúa Trời, xin ngài hãy ban cho tôi một lòng tin tôn giáo, nhưng dĩ nhiên, ngay khi mang tình cảm đó, lòng tôi cũng chẳng có gì thay đổi. Về sau, lấy cớ là phải lo học để chuẩn bị thi vào trường cấp trên, tôi không còn đi xem lễ Misa mỗi buổi sáng với mẹ nữa. Từ thời gian này, mẹ tôi đã bắt đầu có những cơn đau tim làm cho hồi hộp nhưng mỗi sáng mùa đông, bà vẫn một mình đi đến nhà thờ. Còn tôi thì nằm lì trong giường và không mấy may xúc động khi nghe tiếng chân bà bước ra ngoài ngõ.

Cuối cùng, ngay cả nghĩa vụ đi nhà thờ mỗi tuần một lần vào ngày Chủ nhật, tôi cũng bỏ bễ nốt. Tôi lén nhà ra phố Nishinomiya từ thật sớm và ngay trước mũi của mẹ, đến một khu vực buôn bán mà mãi lâu sau mới thấy có khách hàng tụ họp mua sắm. Tôi cứ đi thò thần nơi đó, ngắm nghía mấy tấm bảng quảng cáo phim sắp chiếu của các rạp xi-nê cho hết ngày giờ.

Đạo ấy, mẹ tôi bắt đầu than có triệu chứng như tức ngực, khó thở. Đôi khi đang đi ngoài đường, bà đã phải đưa một bàn tay lên chặn lấy ngực, mặt thì nhăn nhó vì đau đớn và dừng bước đứng nguyên một chỗ. Thấy cảnh đó, tôi vẫn tỉnh như không. Một đứa con trai mới 16 tuổi nào đã tưởng tượng ra sự khủng khiếp của cái chết! Cơn đau tim của mẹ tôi chỉ là nhất thời, năm phút sau bà đã trở lại như cũ cho nên tôi đã cho rằng chứng bệnh này không có gì đáng lo. Thực ra là buồng tim của bà đã yếu đi dần sau một thời gian dài nếm trải nhiều lao khổ về tinh thần lẫn vật chất. Thế mà mỗi sáng mẹ tôi vẫn thức dậy vào lúc 5 giờ và lê bước ra ngoài lúc trên đường còn chưa có bóng người để đến ga Nishinomiya lấy tàu điện. Nhà thờ mẹ tôi thường xuyên lui tới vốn nằm ở một vị trí cách nơi đó hai ga.

Có một sáng Chủ nhật, tôi không thể thắng được sự cám dỗ nên trên đường đến trường, nửa chừng tôi đã xuống xe và đến một khu phố tấp nập. Cặp sách thì tôi đã nhờ người ở quán cà phê quen biết từ lúc tôi và Tamura bắt đầu lui tới đó giữ hộ rồi. Hãy còn khá nhiều thời gian trước giờ rạp xi-nê mở cửa. Tuy trong túi tôi có tờ giấy bạc 1 Yen [10] nhưng đó là món tiền mà mấy hôm trước, tôi đã lấy trộm từ ví của mẹ. Tôi vẫn thường có thói quen lục ví bà ra xem. Tôi đã ngồi coi phim cho đến chiều tối và khi về đến nhà, cố giữ bộ mặt điềm nhiên, làm như mình chẳng biết gì.

Không ngờ là vừa khi mở cửa gian tiền sảnh, tôi đã thấy mẹ đứng đó. Bà không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn tôi đăm đăm. Thế rồi khuôn mặt đó từ từ méo mó đi, và trên gò má đã lệch lạc ấy, có những giọt nước mắt từ từ lăn xuống. Tôi biết ngay là nhà trường đã phát giác và điện thoại báo tất cả tin tức về tôi cho bà hay rồi. Đêm hôm ấy, tôi nghe tiếng thút thít của bà ở phòng bên cạnh mãi đến thật khuya. Tôi đã cố tình nút ngón tay vào lỗ tai để khỏi phải nghe tiếng khóc ấy nhưng nó vẫn truyền đến và làm rung màng nhĩ. Tuy vậy, thay vì hối hận việc mình làm, tôi chỉ muốn tìm cách thoát ra khỏi tình trạng hiện tại.

Tôi được anh Jirô đưa tới cơ quan hành chánh của đảo. Trong khi tôi đang đứng xem mấy món đồ họ khai quật được thì kính cửa sổ đang trắng ra. Ngược mắt nhìn lên, mới biết cơn mưa dai dẳng đã bắt đầu tạnh.

- Nếu mình mời Sensei qua bên trường học, chắc thầy có thể thấy thêm ít món đồ nữa ấy nhỉ?
Ông trợ tá có tên là Nakamura đặt câu hỏi, vẻ mặt ra chiều lo lắng.

Làm như ở trong vùng này, có khi chỉ vì một chuyện không đâu, người ta tỏ vẻ như mình là người phải gánh trách nhiệm. Những hiện vật có ở công sở cũng như trường học đều không phải là di tích của người Kakure mà tôi đang chờ đợi. Bên trường tiểu học chỉ có vài mảnh vỡ của bình gốm thời thượng cổ mà các thầy giáo ở đó đã đào lên được.

- Thế không có mấy di vật của họ như chuỗi mân cô hay thập tự giá hay sao ông?

Một lần nữa ông Nakamura lại lắc đầu một cách sợ sệt:

- Mấy người Kakure vốn thích đầu diêm. Nếu thầy không đi đến chỗ họ để hỏi trực tiếp, tôi thấy khó lòng. Nhưng đám đó lại sống chui rúc trong hốc núi nên mới khổ.

Cũng như trường hợp anh Jirô, lời lẽ của ông Nakamura khi đã động tới những người Kakure, tôi thấy đều biểu lộ một sự khinh miệt.

Anh Jirô sau khi ra ngoài xem thời tiết thế nào đã quay trở lại và lên tiếng mời mọc:

- Coi bộ trời tốt trở lại rồi. Nếu ngày mai mình đi chắc không có vấn đề. Thế thì từ giờ thầy có muốn ra hòn Iwajima (Nham Đảo) hay đâu đó để ngắm cảnh không?

Thực ra hồi nãy khi đến viếng ngôi mộ của người Kirishitan, tôi đã gợi ý với anh xem có cách nào ra thăm Nham Đảo được không?



Mẹ Maria-Quan Âm người Kakure Kirishitan thờ phượng

Ông trợ tá Nakamura bèn gọi điện thoại cho Hợp Tác Xã Ngư Nghiệp. Họ cho biết là trong trường hợp này và chắc là phù hợp với nhu cầu của cơ quan hơn cả, là họ sẽ cho chúng tôi mượn một chiếc ghe máy của Hợp Tác Xã.

Áo dùng để đi mưa thì tôi đã mượn đỡ của Nakamura-san một cái Capa [11] bên ngoài có tráng lớp nhựa cao su. Kể thêm Jirô-san nữa thì thành một bộ ba, chúng tôi cùng nhau ra bến tàu. Đến nơi mới thấy một ngư dân đã chuẩn bị sẵn chiếc ghe máy cho bọn tôi rồi. Tuy ông ta có lót một manh chiếu lát lên tấm ván ướt cho chúng tôi ngồi nhưng bên dưới chân lại đọng đầy nước bẩn. Trong vũng nước bẩn ấy, tôi thấy cái xác chết màu sáng bạc của một con cá con đang nổi lênh bênh.

Khi động cơ mới rú lên và chiếc ghe còn chưa ra đến vùng biển động, tôi đã cảm thấy mỗi lúc thân hình mình càng bị lắc lư dữ dội. Lúc ghe lướt lên ngọn sóng, tôi có đôi chút khoan khoái nhưng khi nó rơi xuống, tôi thấy như có ai đang bào gan thất ruột mình.

- Nham Đảo là một nơi câu cá tốt lắm đấy! Bọn tôi hẳn có ngày nghỉ là ra đấy câu. Không biết thầy có thường đi câu cá không ạ?

Khi thấy tôi lắc đầu thì ông Nakamura nhìn tôi như nhìn một người đang muốn phá bĩnh rồi quay sang khoe khoang với ông ngư dân và anh Jirô thành tích mình đã có lần câu được ở đấy một con trắm đen (kurodai) to khủng khiếp.

Cái Capa bị bọt nước nước bắn lên đến ướt rượt, lại thêm gió biển thổi rất mặt làm tôi phải ngồi im tự nãy giờ. Thêm vào đó, cho đến khoảng biển này, nước chỉ xám như chì nhưng kể từ đây, nó đã đổi qua màu đen và lại còn lạnh buốt. Đầu óc tôi nghĩ đến những tín hữu cách đây bốn thế kỷ đã bị trói thành râu và ném xuống biển. Nếu lỡ sinh ra vào thời đại đó, tôi e rằng mình không đủ tự tin để hứng chịu những cực hình như thế. Bất chợt tôi nghĩ đến mẹ mình. Hình ảnh cái thời đi lang thang trong những khu phố tấp nập của Nishinomiya hay đặt điều dối mẹ... thì nhau sống lại trong ký ức của tôi.

Chúng tôi đã đến gần đảo. Đúng như cái tên Nham Đảo của nó, trên đó toàn là đá và đá. Hình như chỉ ở mấy đỉnh núi mới có dăm bụi cây còi là sống nổi. Hỏi thăm ông trợ tá, tôi mới biết nơi đây chỉ có nhân viên Bộ Bưu Chính và Viễn Thông lâu lâu mới đến kiểm tra đo đạc và đảo chỉ được mỗi một ích lợi là làm chỗ cho dân trong vùng đến câu cá. Độ chừng mười con chim với cái giọng khàn khàn vừa cất tiếng kêu vừa bay lượn trên mấy đỉnh của hòn đảo. Tiếng kêu của chúng như đang muốn xé rách cái bầu trời xám xịt đầy hơi nước. Những chỗ lõm nơi vách nứt của ghềnh đá bắt đầu hiện ra trước mắt tôi. Ngọn sóng đánh vào nơi đó đã tạo nên những âm thanh bi tráng và làm bắn tung bọt nước trắng xóa.

Tôi hỏi thăm người trên ghe xem đâu là cái bức vách thẳng đứng chỗ ngày xưa các giáo đồ từng bị xô xuống biển nhưng ông ngư dân lẫn ông trợ tá đều nói là không biết. Chắc không phải chỉ có một cái vách nhất định nào vì chỗ nào trên hòn đảo này, tôi đều thấy có khả năng ném xuống từ đó...

- Chỉ nghĩ đến thôi mà cũng đã khiếp vía!
- Thời nay có ai dám tin chuyện như thế từng xảy ra đâu!

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng những ý tưởng ám ảnh tôi tự nãy giờ chưa một lần nào hiện ra trong đầu Jirô-san

và ông trợ tá dù họ là hai tín đồ Cơ Đốc.

- Cái hang này coi bộ lắm dơi đấy nhỉ? Mới đến gần một chút mà đã nghe những tiếng kêu "chii chii" của chúng.
- Quái thật. Lũ dơi này bay nhanh khủng khiếp nhưng chả bao giờ thấy chúng va chạm vào đâu cả. Làm như trong người chúng đã gắn sẵn máy ra-đa (radar).
- Minh xem sơ sơ đủ một vòng rồi quay về nghe Sensei!

Những ngọn sóng hung bạo như muốn cán vào mặt sau của hòn đảo. Mấy đám mây nặng nề hơi nước rồi cũng tách ra, giúp cho tôi bắt đầu nhìn được rõ hơn khúc giữa của những ngọn núi nằm trên đảo.

- Làng của người Kakure ở chỗ kia kìa.

Ông trợ tá Nakamura đưa tay trở về hướng bên kia núi, đúng cái chỗ mà cha xứ tối hôm qua đã chỉ cho tôi.

- Bây giờ, tín đồ Kakure bắt đầu đi lại với mọi người rồi chứ gì?
- Vâng, có thì cũng có đấy! Một người đã đến giúp việc chân tay cho trường tiểu học. Này, cái ông Shimomura kia, đúng là dân Kakure đấy chứ? Dù sao, tính nết ông ấy có hơi lạ. Nói chuyện với ai cũng không ăn khớp.

Theo lời hai ông cho biết, giáo dân Cơ-Đốc trong vùng vẫn thường tỏ ra do dự khi giao tiếp hay phải chọn vợ chọn chồng trong cộng đồng người Kakure. Lý do không đến từ việc tôn giáo khác nhau nhưng từ những rào cản hay đối lập có tính cách tâm lý. Cho đến ngày nay, người Kakure vẫn tổ chức hôn lễ giữa họ vì họ nghĩ nếu không làm như thế sẽ không gìn giữ được giềng mối đạo nhà. Tập quán này đã khiến cho họ bị xem là một đám người đặc biệt, không giống ai.

Trên lưng chừng những ngọn núi vây bọc bởi lớp khói sóng mờ hồ ảo, suốt ba trăm năm, những người Kakure Kirishitan nói chung cũng như các nhóm Kakure ẩn náu trong những thôn xóm biệt lập khác đã đặt ra những chức vụ trong thôn như O-mizuyaku (Người tắm nước), Hariyaku (Người canh chừng), Okuri-yaku (Người đưa đón), Toritsugi-yaku (Người giao liên) để tuyệt đối ngăn cản bí mật của tổ chức không được rò rỉ ra ngoài. Từ ông truyền qua cha, từ cha truyền qua con, đời đời nối tiếp họ gìn giữ những bản Orashio (Oratio, Lời khẩn nguyện) [12] trong các gian nhà kho u tối và cũng là nơi họ sẽ cử hành mọi thứ lễ lạc gì gì đó. Tôi cũng cảm thấy các thôn làng sống cô lập thường toát ra một cái gì hoang vắng thê lương nên đã đưa mắt xem kỹ phần lưng chừng của những hòn núi ấy. Dĩ nhiên từ nơi đó, đã không có gì khả dĩ khiến tôi chú ý.

- Sao Sensei lại tỏ ra thích thú với bọn người dở hơi đó làm chi vậy?

Ông trợ tá có lẽ lạ lẫm về thái độ của tôi nên đã đặt câu hỏi nhưng tôi chỉ đưa ra một câu trả lời để cho qua chuyện.

[1] - Ý nói hành động rời bỏ lối sống khép kín và những tập quán đặc thù của họ để gia nhập vào tổ chức của Giáo hội Công giáo hiện tại.

[2] - Kakure = ẩn nấp, trốn tránh. Kirishitan (Christian) = tín đồ đạo Cơ Đốc thời Edo, một cách gọi có tính lịch sử, phát âm theo tiếng Bồ Đào Nha. Người Kakure chỉ là một nhóm đặc biệt của các Kirishitan.

[3] - Goto (quần đảo nằm ở ngoài khơi phía Tây thành phố Nagasaki và Ikitsuki phía Bắc nó cũng như cảng Hirado đều là những địa danh gắn bó với lịch sử người Công giáo Nhật Bản.

[4] - Thần Nandogami (Nando = Nhà kho, nơi cất giữ của cải) đối với người Kakure Kirishitan giống như các vị thần Ebisu và Daigoku của người Nhật vốn là thần bảo vệ gia đình của chủ nhà. Thường được biết qua một bức tranh vẽ hình Đức Mẹ bế Chúa Hài Đồng.

[5] - Áo chùng dài đến chân của chức sắc Cơ Đốc giáo, dùng để phân biệt họ với những người thuộc giáo phái khác như Tin Lành, Sa Bát. Nguyên ngữ tiếng Ý là Sottana. Ở Pháp từ năm 1852, các tu sĩ ấy phải mặc thường xuyên nhưng ở Nhật thì chỉ cần mặc khi hành lễ,

[6] - Hankyuu : tên đường tàu tư doanh địa phương nối các vùng Kobe, Ôsaka và Kyôto.

[7] - Trong giai đoạn này (1607) Shôgun Tokugawa (1542-1616) đã hết giữ chức vụ (1603-05) nhưng vẫn đóng vai trò chỉ đạo cho Shôgun đời thứ hai là Hidetada, tại vị từ 1605 đến 1623.

[8] - Vẫn còn ở dưới thời Shôgun Tokugawa thứ hai là Hidetada (Tú Trung, tại vị 1605-1623)

[9] - Thời Edo, người Nhật gọi người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là bọn rợ phương Nam (Nam Man), một phần do lòng tự tôn nhưng phần khác có lẽ vì những người này đã đi từ phía Nam lên.

[10] - Có lẽ mệnh giá phải cao hơn nhiều, ít nhất tương đương với 10. 000 Yen bây giờ.

[11] - Áo choàng dài để khoác bên ngoài (từ tiếng Bồ Đào Nha)

[12] - Oratio, nguyên gốc tiếng La Tinh.

Xin đọc tiếp phần 2